

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 7 - 2023
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quý Khiêm

Bà Lê Thị Thanh Trúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 7 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Bé D**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: **Số nhà C, ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.**

Bị đơn: DO, HAI T (ĐỖ THANH H), sinh năm 1967.

Địa chỉ: 730 NE 94TH AVE, PORTLAND, OR 97220, USA (Hoa Kỳ).

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2023 nguyên đơn **Nguyễn Thị Bé D** trình bày:

Về hôn nhân: Chị **D** và anh DO, HAI T (ĐỖ THANH H) (gọi tắt là **H**) quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau và tiến hành kết hôn năm 2019, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân huyện C** và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 50 ngày 12/8/2019. Sau khi kết hôn, anh **H** không bảo lãnh chị **D** sang Hoa Kỳ sinh sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, không thể hòa hợp, hôn nhân không hạnh phúc. Đồng thời, do khoảng cách địa lý quá xa, vợ chồng không gặp nhau và ít liên lạc với nhau. Kể từ thời điểm kết

hôn vợ chồng sống ly thân cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị **D** yêu cầu được ly hôn với anh **H**.

Về nuôi con: Vợ chồng không có con chung.

Về chia tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Văn bản ghi ý kiến ngày 18 tháng 4 năm 2023 bị đơn DO, HAI T (ĐỒ THANH H) trình bày: Anh **H** đã nhận được đơn khởi kiện chị **D** gửi cho anh **H**. Anh **H** hoàn toàn thống nhất với nội dung chị **D** nêu trong đơn khởi kiện. Anh **H** đồng ý ly hôn với chị **D**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn, giấy chứng nhận kết hôn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị **D** và anh **H** có đơn xin xét xử vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, các đương sự đã có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án và việc vắng mặt của các đương sự phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị **D** và anh **H** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/8/2019 phù hợp quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau nên anh **H** không bảo lãnh chị **D** sang Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ. Vì khoảng cách địa lý, vợ chồng sống xa nhau từ khi kết hôn cho đến nay. Anh **H** biết chị **D** khởi kiện xin ly hôn với anh và anh **H** cũng đồng ý ly hôn với chị **D**.

Xét thấy, vợ chồng sống xa nhau đã lâu, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, kéo dài quan hệ hôn nhân cũng không hạnh phúc. Do đó, chị **D** khởi kiện xin ly hôn là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con, chia tài sản, nợ chung: Chị **D** xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Anh **H** thống nhất lời trình bày của chị **D**. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định chị **D** và anh **H** không có con chung, không tài sản chung và không có nợ chung.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị **D** khởi kiện xin ly hôn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 121 và 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị Bé D**.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị Bé D** và anh DO, HAI T (ĐỖ THANH HẢI).

2. Về nuôi con: Không có.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị Bé D** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **D** đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0014200 ngày 28/6/2023 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị **D** đã nộp xong tiền án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Anh DO, HAI T được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, chỉ **D** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TAT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT (Minh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Kim Oanh